

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận kết quả và cấp chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng & An ninh
Cho sinh viên các lớp đại học hệ chính quy K15**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-HĐT ngày 13/6/2022 của Hội đồng trường về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/03/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐT-BXH ngày 08/09/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh xã hội về việc Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ vào biên bản của Hội đồng xét công nhận kết quả môn học Giáo dục Quốc phòng & An ninh cho sinh viên đại học ĐH K15 họp ngày 17 tháng 03 năm 2023;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận và tổ chức in, cấp phát chứng chỉ GDQP & AN cho: 264 sinh viên các lớp đại học hệ chính quy K15;

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng, Phụ trách các đơn vị trong toàn trường và những sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Giám hiệu;
- Như điều 2;
- Lưu VT, ĐT (4).

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Hùng Thắng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K15 ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ GDQP & AN

(Kèm theo Quyết định số 15/ /QĐ-ĐHCNQN ngày 20/03/2023 về việc xét duyệt kết quả môn học GDQP& AN cho sinh viên ĐH K15)

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp CN	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm trung bình	Xếp loại	Ghi chú
1	CQ15DH0033	Bùi Việt Anh	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	30/10/2004	Đông Hưng - Thái Bình	Nam	Kinh	6.8	TB Khá	
2	CQ15DH0001	Trần Văn Chính	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	09/08/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.0	Khá	
3	CQ15DH0006	Nguyễn Tiến Dũng	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	28/01/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.1	Khá	
4	CQ15DH0034	Lã Minh Đức	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	29/04/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Tày	7.3	Khá	
5	CQ15DH0004	Nguyễn Trí Đức	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	09/09/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.6	Khá	
6	CQ15DH0005	Trần Minh Đức	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	30/06/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
7	CQ15DH0007	Nguyễn Phúc Hiếu	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	28/10/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
8	CQ15DH0008	Nguyễn Văn Hoàng	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	06/12/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.2	Khá	
9	CQ15DH0009	Phạm Huy Hoàng	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	17/10/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.6	TB Khá	
10	CQ15DH0030	Đình Xuân Hoàng	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	02/02/2004	Kim Động - Hưng Yên	Nam	Kinh	6.8	TB Khá	
11	CQ15DH0036	Phạm Văn Hợp	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	28/08/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	
12	CQ15DH0011	Lê Văn Hùng	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	14/08/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.0	Khá	
13	CQ15DH0037	Tăng Duy Hưng	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	29/07/2004	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Nam	Sán Diu	6.3	TB Khá	
14	CQ15DH0012	Nguyễn Hữu Nam Khánh	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	24/08/2003	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.8	TB Khá	
15	CQ15DH0013	Phạm Gia Khánh	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	30/08/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.3	TB Khá	
16	CQ15DH0014	Phạm Gia Khiêm	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	01/07/2004	Đầm Hà - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	
17	CQ15DH0015	Hoàng Trung Kiên	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	15/09/2003	Đầm Hà - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.9	TB Khá	
18	CQ15DH0016	Mạc Trung Kiên	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	29/04/2004	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.6	TB Khá	
19	CQ15DH0032	Lưu Đình Phúc Lâm	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	27/06/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	6.6	TB Khá	
20	CQ15DH0017	Ngô Trường Nam	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	08/06/2004	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.4	TB Khá	
21	CQ15DH0018	Nguyễn Minh Nghĩa	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	27/03/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	
22	CQ15DH0020	Phạm Quyền Ninh	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	20/09/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
23	CQ15DH0021	Trần Ngọc Ninh	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	03/12/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.6	TB Khá	
24	CQ15DH0022	Hoàng Văn Phát	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	19/02/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.0	Khá	
25	CQ15DH0065	Lê Xuân Phúc	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	22/08/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.9	TB Khá	
26	CQ15DH0038	Nguyễn Thiên Phước	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	09/03/2003	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.4	TB Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp CN	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm trung bình	Xếp loại	Ghi chú
27	CQ15DH0031	Nguyễn Đình Quân	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	21/08/2000	Ninh Giang - Hải Dương	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	
28	CQ15DH0023	Nguyễn Trọng Tân	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	08/09/2004	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.4	Khá	
29	CQ15DH0024	Cao Văn Thái	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	01/12/2004	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	
30	CQ15DH0025	Diệp Sinh Thành	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	22/06/2004	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	6.8	TB Khá	
31	CQ15DH0026	Đặng Huy Toàn	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	21/06/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.4	TB Khá	
32	CQ15DH0027	Lê Văn Toàn	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	08/04/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.1	Khá	
33	CQ15DH0028	Nguyễn Đức Toàn	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	26/05/2004	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.2	Khá	
34	CQ15DH0029	Hoàng Thanh Tùng	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	05/10/2003	Kinh Môn - Hải Dương	Nam	Kinh	7.3	Khá	
35	CQ15DH0282	Nguyễn Huy Tùng	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K15	17/12/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.0	Khá	
36	CQ15DH0040	Đặng Quý Anh	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	25/08/2004	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.1	Khá	
37	CQ15DH0094	Phạm Huy Anh	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	24/05/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.4	TB Khá	
38	CQ15DH0041	Phùng Trọng Chinh	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	10/08/2003	Giao Thủy - Nam Định	Nam	Kinh	7.1	Khá	
39	CQ15DH0089	Nguyễn Mạnh Cường	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	14/12/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.0	Khá	
40	CQ15DH0043	Trần Mạnh Cường	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	16/08/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.1	Khá	
41	CQ15DH0047	Nguyễn Mạnh Dũng	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	26/08/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.4	Khá	
42	CQ15DH0048	Mạc Văn Duy	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	28/03/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.0	Khá	
43	CQ15DH0049	Nguyễn Quốc Duy	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	25/01/2004	Hưng Hà - Thái Bình	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
44	CQ15DH0045	Hoàng Duy Đông	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	21/03/2002	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.1	Khá	
45	CQ15DH0046	Đinh Ngọc Đức	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	25/11/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.6	TB Khá	
46	CQ15DH0216	Đỗ Minh Hiếu	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	02/06/2003	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.5	Khá	
47	CQ15DH0238	Phạm Trung Hiếu	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	29/10/2003	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	
48	CQ15DH0051	Bùi Đình Hoàng	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	18/08/2004	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
49	CQ15DH0090	Lê Minh Hùng	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	11/11/2004	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.6	TB Khá	
50	CQ15DH0086	Ninh Vũ Phi Hùng	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	07/10/2004	Kinh Môn - Hải Dương	Nam	Kinh	6.4	TB Khá	
51	CQ15DH0258	Vũ Quang Huy	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	06/02/2003	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
52	CQ15DH0052	Đào Ngọc Hưng	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	09/01/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.4	TB Khá	
53	CQ15DH0053	Nguyễn Văn Kiên	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	10/03/2004	Thủy Nguyên - Hải Phòng	Nam	Kinh	6.6	TB Khá	
54	CQ15DH0101	Trần Chung Kiên	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	03/11/2003	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.6	TB Khá	
55	CQ15DH0056	Nguyễn Hoàng Long	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	27/12/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
56	CQ15DH0057	Nguyễn Phú Bảo Long	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	27/08/2004	Quỳnh Phụ - Thái Bình	Nam	Kinh	6.1	TB Khá	
57	CQ15DH0100	Vũ Văn Long	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	09/08/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	
58	CQ15DH0087	Nguyễn Đức Lộc	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	22/06/2004	Cẩm Giàng - Hải Dương	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp CN	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm trung bình	Xếp loại	Ghi chú
59	CQ15DH0059	Nguyễn Đức Mạnh	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	20/04/2001	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.4	Khá	
60	CQ15DH0060	Hoàng Công Minh	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	05/08/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.1	Khá	
61	CQ15DH0061	Nguyễn Công Minh	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	21/06/2000	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
62	CQ15DH0062	Nguyễn Nhật Minh	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	07/09/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.5	Khá	
63	CQ15DH0063	Trần Hải Nam	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	25/02/2004	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.4	TB Khá	
64	CQ15DH0064	Trần Đình Trọng Nghĩa	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	24/12/2004	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.2	Khá	
65	CQ15DH0091	Đinh Cao Nguyên	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	02/12/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Mường	6.3	TB Khá	
66	CQ15DH0097	Nguyễn Văn Phúc	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	10/10/2004	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.4	TB Khá	
67	CQ15DH0067	Phạm Đức Phương	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	09/11/2004	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.8	TB Khá	
68	CQ15DH0070	Nguyễn Ngọc Quang	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	05/10/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	
69	CQ15DH0068	Bùi Đức Quân	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	17/09/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
70	CQ15DH0069	Nguyễn Minh Quân	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	22/12/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.6	TB Khá	
71	CQ15DH0072	Đinh Thái Sơn	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	08/11/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.4	TB Khá	
72	CQ15DH0252	Nguyễn Văn Sơn	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	07/01/2004	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.4	TB Khá	
73	CQ15DH0098	Hoàng Văn Tiến	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	15/02/2004	Móng Cái - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	
74	CQ15DH0077	Phạm Đức Toàn	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	09/10/2004	Gia Lộc - Hải Dương	Nam	Kinh	6.9	TB Khá	
75	CQ15DH0237	Nguyễn Trần Trung	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	29/01/2004	Kinh Môn - Hải Dương	Nam	Kinh	6.8	TB Khá	
76	CQ15DH0078	Nguyễn Viết Trung	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	31/12/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
77	CQ15DH0079	Đinh Xuân Trường	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	05/07/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
78	CQ15DH0265	Vũ Xuân Trường	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	31/08/2002	Tiên Yên - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.6	TB Khá	
79	CQ15DH0080	Tạ Huy Tú	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	04/03/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
80	CQ15DH0221	Hoàng Minh Tuấn	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	25/12/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
81	CQ15DH0081	Lê Anh Tuấn	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	08/07/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.8	TB Khá	
82	CQ15DH0085	Vũ Mạnh Tuấn	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	11/09/2004	Phù Yên - Sơn La	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
83	CQ15DH0083	Nguyễn Kim Tùng	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	20/10/2004	Kinh Môn - Hải Dương	Nam	Kinh	7.3	Khá	
84	CQ15DH0099	Nguyễn Chí Vĩ	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	07/11/2004	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.9	TB Khá	
85	CQ15DH0042	Đoàn Văn Công	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	31/01/2004	Quỳnh Phụ - Thái Bình	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
86	CQ15DH0044	Nguyễn Tiến Đạt	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	21/09/2004	Thủy Nguyên - Hải Phòng	Nam	Kinh	6.9	TB Khá	
87	CQ15DH0092	Bùi Đức Hải	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	10/02/2003	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
88	CQ15DH0050	Nguyễn Trung Hiếu	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	01/04/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.0	Khá	
89	CQ15DH0246	Tăng Thanh Hoàng	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	10/09/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	
90	CQ15DH0287	Nguyễn Văn Hùng	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện K15	13/05/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.1	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp CN	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm trung bình	Xếp loại	Ghi chú
91	CQ15DH0054	Đình Quang Lâm	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện tử K15	17/08/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	
92	CQ15DH0055	Lâm Văn Linh	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện tử K15	31/10/2004	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.4	TB Khá	
93	CQ15DH0240	Bùi Văn Lực	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện tử K15	18/11/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.2	TB Khá	
94	CQ15DH0264	Phạm Thị Tuyết Nhung	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện tử K15	23/11/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	6.4	TB Khá	
95	CQ15DH0096	Lê Hoàng Phúc	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện tử K15	21/01/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.1	Khá	
96	CQ15DH0071	Phạm Minh Quyết	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện tử K15	29/05/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	5.8	Trung Bình	
97	CQ15DH0075	Trần Quốc Thắng	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện tử K15	26/07/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.0	Khá	
98	CQ15DH0082	Trần Anh Tuấn	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện tử K15	08/06/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.8	TB Khá	
99	CQ15DH0143	Đặng Văn Yên	ĐH Công nghệ kỹ thuật điện tử K15	12/08/2004	Đầm Hà - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.6	TB Khá	
100	CQ15DH0145	Nguyễn Thế Anh	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	02/12/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.0	TB Khá	
101	CQ15DH0102	Trần Đức Anh	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	05/10/2004	Cầm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.9	TB Khá	
102	CQ15DH0093	Vũ Lê Ngọc Anh	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	04/11/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.6	TB Khá	
103	CQ15DH0104	Nguyễn Viết Bảo	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	03/06/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.8	TB Khá	
104	CQ15DH0103	Đoàn Văn Bắc	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	14/08/2004	Kinh Môn - Hải Dương	Nam	Kinh	5.9	Trung Bình	
105	CQ15DH0146	Phạm Đức Cảnh	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	06/09/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.6	Khá	
106	CQ15DH0105	Phạm Minh Chiến	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	08/05/2004	Kinh Môn - Hải Dương	Nam	Kinh	7.0	Khá	
107	CQ15DH0280	Trịnh Thị Thùy Dung	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	01/10/2004	Kinh Môn - Hải Dương	Nữ	Kinh	7.8	Khá	
108	CQ15DH0109	Mạc Văn Dũng	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	24/03/2004	Cầm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.3	Khá	
109	CQ15DH0147	Nguyễn Văn Dũng	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	13/06/2004	Kinh Môn - Hải Dương	Nam	Kinh	7.7	Khá	
110	CQ15DH0241	Nguyễn Tất Duy	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	25/11/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.8	Khá	
111	CQ15DH0161	Vũ Khánh Duy	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	07/09/2004	Quy Nhơn - Bình Định	Nam	Kinh	7.4	Khá	
112	CQ15DH0162	Trương Văn Dương	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	14/08/2004	Kinh Môn - Hải Dương	Nam	Kinh	6.8	TB Khá	
113	CQ15DH0275	Nông Đức Đại	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	13/02/2003	Lộc Bình - Lạng Sơn	Nam	Tày	7.1	Khá	
114	CQ15DH0233	Nguyễn Văn Đạt	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	30/07/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.9	TB Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp CN	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm trung bình	Xếp loại	Ghi chú
115	CQ15DH0281	Bùi Thành Đô	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	28/12/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.3	Khá	
116	CQ15DH0106	Đình Văn Đô	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	09/07/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.6	Khá	
117	CQ15DH0108	Lê Trung Đức	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	30/11/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.6	TB Khá	
118	CQ15DH0107	Nguyễn Văn Đức	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	02/01/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.8	TB Khá	
119	CQ15DH0110	Nguyễn Trường Giang	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	27/08/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.5	Khá	
120	CQ15DH0111	Trương Hoàng Hà	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	13/10/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.4	TB Khá	
121	CQ15DH0088	Nguyễn Ngọc Hải	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	03/08/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.3	Khá	
122	CQ15DH0148	Tô Ngọc Hiển	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	08/03/2004	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.3	Khá	
123	CQ15DH0149	Bùi Đức Hiếu	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	03/12/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.0	Khá	
124	CQ15DH0112	Hoàng Trung Hiếu	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	07/09/2004	Chư Sê - Gia Lai	Nam	Kinh	7.0	Khá	
125	CQ15DH0113	Lê Trung Hiếu	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	05/04/2004	Kim Bảng - Hà Nam	Nam	Kinh	7.3	Khá	
126	CQ15DH0114	Sênh Đức Hoàn	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	10/11/2003	Tiên Yên - Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	6.8	TB Khá	
127	CQ15DH0035	Đặng Huy Hoàng	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	02/10/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Dao	6.7	TB Khá	
128	CQ15DH0222	Nguyễn Đức Hoàng	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	27/03/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.8	TB Khá	
129	CQ15DH0150	Bùi Ngọc Hùng	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	07/09/2004	Kinh Môn - Hải Dương	Nam	Kinh	7.0	Khá	
130	CQ15DH0115	Trần Minh Hùng	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	27/12/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.4	TB Khá	
131	CQ15DH0117	Phạm Minh Huy	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	01/01/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	
132	CQ15DH0118	Trần Khắc Huy	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	12/01/2004	Kinh Môn - Hải Dương	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
133	CQ15DH0116	Trần Công Hưng	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	02/08/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.1	TB Khá	
134	CQ15DH0119	Dương Văn Khải	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	23/02/2004	Hải Hà - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	
135	CQ15DH0120	Ngô Nam Khánh	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	06/09/2004	Kinh Môn - Hải Dương	Nam	Kinh	6.8	TB Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp CN	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm trung bình	Xếp loại	Ghi chú
136	CQ15DH0121	Nguyễn Duy Khánh	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	30/10/2004	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	
137	CQ15DH0122	Vương Xuân Khánh	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	29/09/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	
138	CQ15DH0123	Điệp Trung Kiên	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	25/12/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
139	CQ15DH0124	Nguyễn Hoàng Kỳ	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	31/12/2004	Móng Cái - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
140	CQ15DH0125	Nguyễn Ngọc Linh	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	20/08/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
141	CQ15DH0151	Triệu Quý Linh	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	11/06/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Dao	7.0	Khá	
142	CQ15DH0152	Hoàng Hải Long	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	13/08/2003	Lộc Bình - Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.9	TB Khá	
143	CQ15DH0242	Ngô Đăng Long	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	12/08/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	8.0	Giỏi	
144	CQ15DH0169	Nguyễn Hoàng Long	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	16/07/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.8	TB Khá	
145	CQ15DH0170	Trần Duy Long	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	02/02/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.6	TB Khá	
146	CQ15DH0058	Phạm Đức Mạnh	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	10/12/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.3	TB Khá	
147	CQ15DH0126	Bùi Anh Minh	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	29/10/2000	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.4	TB Khá	
148	CQ15DH0127	Vũ Tuấn Minh	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	26/10/2004	Ân Thi - Hưng Yên	Nam	Kinh	6.9	TB Khá	
149	CQ15DH0129	Đặng Phương Nam	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	25/10/2003	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.1	TB Khá	
150	CQ15DH0153	Nguyễn Hoài Nam	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	29/07/2004	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.2	TB Khá	
151	CQ15DH0239	Nguyễn Phương Nam	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	17/09/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.4	TB Khá	
152	CQ15DH0128	Vũ Trường Nam	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	26/09/2004	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.1	TB Khá	
153	CQ15DH0154	Lý Văn Ngân	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	27/01/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Dao	6.8	TB Khá	
154	CQ15DH0155	Đặng Quang Nghĩa	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	25/08/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.8	TB Khá	
155	CQ15DH0019	Ngô Trọng Nhân	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	29/01/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.2	TB Khá	
156	CQ15DH0095	Nguyễn Quang Ninh	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	20/08/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp CN	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm trung bình	Xếp loại	Ghi chú
157	CQ15DH0156	Lê Văn Phát	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	09/11/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.8	TB Khá	
158	CQ15DH0130	Lê Trần Bảo Phúc	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	13/12/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.8	TB Khá	
159	CQ15DH0066	Lâm Xuân Phương	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	26/12/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Tày	6.2	TB Khá	
160	CQ15DH0144	Nguyễn Thiện Quang	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	07/10/2004	Sơn Động - Bắc Giang	Nam	Tày	6.7	TB Khá	
161	CQ15DH0132	Vũ Đăng Quang	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	18/04/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.2	TB Khá	
162	CQ15DH0131	Nguyễn Minh Quân	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	03/01/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.4	TB Khá	
163	CQ15DH0243	Nguyễn Tiến Quân	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	11/08/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.2	TB Khá	
164	CQ15DH0073	Lê Ngọc Sơn	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	27/06/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.2	Khá	
165	CQ15DH0133	Chu An Tâm	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	21/09/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.1	Khá	
166	CQ15DH0157	Đình Xuân Thanh	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	23/12/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.0	Khá	
167	CQ15DH0135	Phạm Công Thành	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	23/12/2004	Cầm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
168	CQ15DH0158	Phạm Tiến Thành	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	23/09/2004	Móng Cái - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.3	Khá	
169	CQ15DH0134	Lê Chiến Thắng	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	02/08/2004	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.4	TB Khá	
170	CQ15DH0262	Nguyễn Quốc Thắng	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	06/09/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.1	Khá	
171	CQ15DH0076	Bùi Đức Thi	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	23/07/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.3	Khá	
172	CQ15DH0136	Nguyễn Mạnh Tiến	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	13/12/2004	Kinh Môn - Hải Dương	Nam	Kinh	6.6	TB Khá	
173	CQ15DH0159	Nguyễn Thành Trung	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	12/04/2004	Tuy Phước - Bình Định	Nam	Kinh	6.8	TB Khá	
174	CQ15DH0137	Trần Đình Trung	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	16/01/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.6	TB Khá	
175	CQ15DH0160	Lại Văn Tú	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	04/12/2004	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.4	TB Khá	
176	CQ15DH0138	Dương Minh Tuấn	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	03/10/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.0	Khá	
177	CQ15DH0139	Nguyễn Thế Tuấn	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	02/12/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	



STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp CN	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm trung bình	Xếp loại	Ghi chú
178	CQ15DH0140	Bùi Quang Tùng	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	25/10/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.1	Khá	
179	CQ15DH0234	Đỗ Anh Văn	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	12/04/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	
180	CQ15DH0141	Trần Trung Việt	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	07/01/2004	Kinh Môn - Hải Dương	Nam	Kinh	7.7	Khá	
181	CQ15DH0142	Chu Thiên Vũ	ĐH Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K15	21/07/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
182	CQ15DH0181	Nguyễn Phúc Anh	ĐH Công nghệ phần mềm K15	30/10/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.9	TB Khá	
183	CQ15DH0272	Phạm Quốc Cường	ĐH Công nghệ phần mềm K15	09/10/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.2	Khá	
184	CQ15DH0164	Sầm Khánh Duy	ĐH Công nghệ phần mềm K15	03/08/2004	Đình Lập - Lạng Sơn	Nam	Tày	6.7	TB Khá	
185	CQ15DH0179	Phạm Hải Đăng	ĐH Công nghệ phần mềm K15	21/01/2004	Cầm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.0	Khá	
186	CQ15DH0182	Hoàng Văn Đức	ĐH Công nghệ phần mềm K15	07/03/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.8	TB Khá	
187	CQ15DH0165	Lý Quang Hiệp	ĐH Công nghệ phần mềm K15	01/09/2002	Ba Chẽ - Quảng Ninh	Nam	Dao	7.1	Khá	
188	CQ15DH0277	Đỗ Trung Hiếu	ĐH Công nghệ phần mềm K15	21/01/2003	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.3	Khá	
189	CQ15DH0166	Nguyễn Minh Hiếu	ĐH Công nghệ phần mềm K15	23/10/2003	Vân Đồn - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.6	TB Khá	
190	CQ15DH0167	Đình Thu Hoài	ĐH Công nghệ phần mềm K15	11/10/2004	Cầm Phả - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	6.2	TB Khá	
191	CQ15DH0039	Nguyễn Huy Hoàng	ĐH Công nghệ phần mềm K15	23/01/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.8	TB Khá	
192	CQ15DH0276	Nguyễn Thị Hồng Huệ	ĐH Công nghệ phần mềm K15	11/04/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7.3	Khá	
193	CQ15DH0010	Đỗ Mạnh Hùng	ĐH Công nghệ phần mềm K15	25/02/2004	Hải Hà - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.6	TB Khá	
194	CQ15DH0178	Đình Quang Hữu	ĐH Công nghệ phần mềm K15	20/02/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.4	TB Khá	
195	CQ15DH0168	Hoàng Trung Kiên	ĐH Công nghệ phần mềm K15	20/07/2004	Cầm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.4	TB Khá	
196	CQ15DH0180	Nguyễn Vũ Vương Long	ĐH Công nghệ phần mềm K15	05/10/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.0	Khá	
197	CQ15DH0171	Nguyễn Sơn Nam	ĐH Công nghệ phần mềm K15	30/10/2003	Liên bang Nga	Nam	Kinh	6.4	TB Khá	
198	CQ15DH0172	Vũ Đại Phong	ĐH Công nghệ phần mềm K15	15/01/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
199	CQ15DH0183	Lại Đức Thành	ĐH Công nghệ phần mềm K15	05/02/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.2	Khá	
200	CQ15DH0184	Trần Trọng Duy Thành	ĐH Công nghệ phần mềm K15	05/07/2004	Kinh Môn - Hải Dương	Nam	Kinh	6.9	TB Khá	
201	CQ15DH0185	Đỗ Thanh Thảo	ĐH Công nghệ phần mềm K15	23/08/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	6.9	TB Khá	
202	CQ15DH0270	Trần Văn Thắng	ĐH Công nghệ phần mềm K15	13/05/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.8	TB Khá	
203	CQ15DH0173	Vũ Hữu Thắng	ĐH Công nghệ phần mềm K15	29/04/2004	Cầm Phả - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.4	Khá	
204	CQ15DH0271	Phùng Văn Tiến	ĐH Công nghệ phần mềm K15	28/07/2004	Ninh Giang - Hải Dương	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
205	CQ15DH0174	Phạm Huyền Trang	ĐH Công nghệ phần mềm K15	16/01/2004	Nam Định - Nam Định	Nữ	Kinh	6.7	TB Khá	
206	CQ15DH0175	Trịnh Xuân Trung	ĐH Công nghệ phần mềm K15	30/03/2002	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.6	TB Khá	
207	CQ15DH0176	Phạm Quang Trường	ĐH Công nghệ phần mềm K15	14/04/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.6	TB Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp CN	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm trung bình	Xếp loại	Ghi chú
208	CQ15DH0177	Đoàn Đỗ Duy Tùng	ĐH Công nghệ phần mềm K15	10/04/2004	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Nam	Tày	7.3	Khá	
209	CQ15DH0084	Nguyễn Quốc Việt	ĐH Công nghệ phần mềm K15	18/08/2001	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.2	Khá	
210	CQ15DH0260	Nguyễn Phúc Khang An	ĐH Kế toán tổng hợp K15	15/05/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	
211	CQ15DH0268	Bùi Phương Anh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	19/05/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7.7	Khá	
212	CQ15DH0229	Đầu Thị Lan Anh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	06/02/2004	Đông Hưng - Thái Bình	Nữ	Kinh	7.4	Khá	
213	CQ15DH0269	Hoàng Kiều Anh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	03/11/2004	Móng Cái - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7.3	Khá	
214	CQ15DH0213	Lê Ngọc Anh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	26/05/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7.6	Khá	
215	CQ15DH0186	Nguyễn Thị Vân Anh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	14/08/2004	Kinh Môn - Hải Dương	Nữ	Kinh	7.4	Khá	
216	CQ15DH0188	Nguyễn Văn Anh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	07/03/2002	Kinh Môn - Hải Dương	Nữ	Kinh	7.3	Khá	
217	CQ15DH0251	Trần Thị Ngọc Anh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	13/11/2003	Thủy Nguyên - Hải Phòng	Nữ	Kinh	7.3	Khá	
218	CQ15DH0187	Vũ Thị Vân Anh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	19/10/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7.4	Khá	
219	CQ15DH0190	Vũ Thị Thùy Dung	ĐH Kế toán tổng hợp K15	10/11/2004	Móng Cái - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	6.6	TB Khá	
220	CQ15DH0191	Chịu Tiến Dũng	ĐH Kế toán tổng hợp K15	03/12/2004	Đầm Hà - Quảng Ninh	Nam	Dao	6.9	TB Khá	
221	CQ15DH0189	Ngô Văn Đức	ĐH Kế toán tổng hợp K15	25/03/1999	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.9	Khá	
222	CQ15DH0194	Nguyễn Thúy Hạnh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	09/01/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7.2	Khá	
223	CQ15DH0207	Lê Thu Hằng	ĐH Kế toán tổng hợp K15	27/01/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7.2	Khá	
224	CQ15DH0193	Phạm Thị Hằng	ĐH Kế toán tổng hợp K15	25/06/2004	Móng Cái - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	6.5	TB Khá	
225	CQ15DH0195	Nguyễn Thu Hoài	ĐH Kế toán tổng hợp K15	01/12/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	6.7	TB Khá	
226	CQ15DH0196	Vũ Minh Hồng	ĐH Kế toán tổng hợp K15	07/09/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7.1	Khá	
227	CQ15DH0208	Triệu Diễm Hương	ĐH Kế toán tổng hợp K15	15/12/2004	Tiên Yên - Quảng Ninh	Nữ	Dao	7.5	Khá	
228	CQ15DH0209	Trần Thị Lệ	ĐH Kế toán tổng hợp K15	10/08/2004	Hải Hà - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7.3	Khá	
229	CQ15DH0255	Nguyễn Thị Liên	ĐH Kế toán tổng hợp K15	18/11/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7.0	Khá	
230	CQ15DH0244	Đỗ Thị Mai Linh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	16/06/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7.2	Khá	
231	CQ15DH0235	Phan Thị Khánh Linh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	22/07/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7.2	Khá	
232	CQ15DH0210	Phạm Thị Loan	ĐH Kế toán tổng hợp K15	19/09/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7.3	Khá	
233	CQ15DH0248	Vũ Văn Mạnh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	16/12/2004	Yên Hưng - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.1	TB Khá	
234	CQ15DH0211	Nguyễn Thị Bích Ngọc	ĐH Kế toán tổng hợp K15	21/08/2004	Kinh Môn - Hải Dương	Nữ	Kinh	7.4	Khá	
235	CQ15DH0250	Đỗ Thị Nhung	ĐH Kế toán tổng hợp K15	20/01/2004	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	6.6	TB Khá	
236	CQ15DH0236	Vũ Thùy Nhung	ĐH Kế toán tổng hợp K15	08/11/2004	Tiên Yên - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7.3	Khá	
237	CQ15DH0205	Đào Bích Phượng	ĐH Kế toán tổng hợp K15	26/01/2004	Móng Cái - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	6.4	TB Khá	
238	CQ15DH0197	Nguyễn Như Quỳnh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	20/11/2004	Tiên Yên - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7.1	Khá	
239	CQ15DH0198	Dương Thanh Thảo	ĐH Kế toán tổng hợp K15	09/04/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7.2	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp CN	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm trung bình	Xếp loại	Ghi chú
240	CQ15DH0199	Đỗ Vi Thảo	ĐH Kế toán tổng hợp K15	18/09/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7.3	Khá	
241	CQ15DH0200	Nguyễn Thị Thảo	ĐH Kế toán tổng hợp K15	20/09/2002	Đông Triều - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7.0	Khá	
242	CQ15DH0212	Triệu Thị Thảo	ĐH Kế toán tổng hợp K15	07/01/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nữ	Dao	7.8	Khá	
243	CQ15DH0202	Nguyễn Thị Thu Thủy	ĐH Kế toán tổng hợp K15	13/01/2004	Hòa Vang - Đà Nẵng	Nữ	Kinh	7.8	Khá	
244	CQ15DH0201	Hoàng Vũ Văn Thư	ĐH Kế toán tổng hợp K15	26/09/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	6.2	TB Khá	
245	CQ15DH0203	Nguyễn Thành Trung	ĐH Kế toán tổng hợp K15	10/06/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	
246	CQ15DH0204	Mạc Thị Hải Yến	ĐH Kế toán tổng hợp K15	08/01/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	6.9	TB Khá	
247	CQ15DH0215	Nguyễn Đức Duy	ĐH Kỹ thuật mỏ Hàm lò K15	17/01/2004	Thanh Miện - Hải Dương	Nam	Kinh	6.3	TB Khá	
248	CQ15DH0217	Nguyễn Viết Hoàng	ĐH Kỹ thuật mỏ Hàm lò K15	19/02/2004	Thanh Miện - Hải Dương	Nam	Kinh	6.8	TB Khá	
249	CQ15DH0218	Trần Đức Huy	ĐH Kỹ thuật mỏ Hàm lò K15	18/11/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.8	TB Khá	
250	CQ15DH0266	Nguyễn Quang Thái	ĐH Kỹ thuật mỏ Hàm lò K15	28/03/2004	Thanh Miện - Hải Dương	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	
251	CQ15DH0223	Trịnh Duy Anh	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	18/11/2002	Kinh Môn - Hải Dương	Nam	Kinh	7.4	Khá	
252	CQ15DH0002	Đỗ Sỹ Đan	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	19/04/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.9	TB Khá	
253	CQ15DH0254	Đỗ Ngọc Hằng	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	03/01/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7.3	Khá	
254	CQ15DH0225	Nguyễn Hải Nam	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	01/06/2004	Hạ Long - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.2	TB Khá	
255	CQ15DH0230	Lê Thế Phong	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	02/03/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
256	CQ15DH0226	Trương Tiến Toàn	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	23/12/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.4	TB Khá	
257	CQ15DH0259	Lưu Thị Quỳnh Trang	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	16/08/2004	Tiên Yên - Quảng Ninh	Nữ	Sán Diu	7.2	Khá	
258	CQ15DH0227	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	19/03/2004	Hải Hà - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7.5	Khá	
259	CQ15DH0267	Nguyễn Quốc Trung	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	22/12/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	
260	CQ15DH0278	Phạm Quốc Trung	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	09/05/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	
261	CQ15DH0228	Nguyễn Thị Cẩm Tú	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	06/02/2004	Đông Triều - Quảng Ninh	Nữ	Kinh	6.9	TB Khá	
262	CQ15DH0232	Vi Văn Tuấn	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	31/08/2004	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Nam	Kinh	6.7	TB Khá	
263	CQ15DH0231	Phạm Thanh Tùng	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	07/09/2004	Ninh Giang - Hải Dương	Nam	Kinh	6.5	TB Khá	
264	CQ15DH0245	Lê Hồng Yến	ĐH Tài chính doanh nghiệp K15	10/01/2004	Gia Lộc - Hải Dương	Nữ	Kinh	7.2	Khá	